

- Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2012/HSST ngày 25/9/2012 của TAND quận Hải Châu và Bản án hình sự phúc thẩm số 324/2012/HSPT ngày 17/12/2012 của TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS 1999; tổng hợp với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2012/HSST ngày 15/6/2012 của TAND quận Hải Châu, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 tháng tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 22/9/2023, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Bà Bùi Thị Y, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường H, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Phạm Lý C, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: đường L, phường X, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Người làm chứng:

- Ông Hoàng Ngọc G, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường H, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: đường B, phường E, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 11/6/2023 và 19/7/2023, bị cáo Đặng Trần T đã 02 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn các quận Hải Châu và Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

Lần 1: Bị cáo T biết tại ki ốt bán trái cây tại số 04 đường Hồ Nguyên Trừng, phường Hoà Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng do chị Bùi Thị Y làm chủ thường xuyên để túi xách đựng nhiều tiền trên quầy hàng nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sáng ngày 11/6/2023, chị Y đưa 01 túi xách màu đen bên trong có 96.400.000 đồng và giấy tờ tùy thân cho anh Hoàng Ngọc G để giao tiền hàng, anh G nhận và để trên quầy trái cây. Khoảng 09h45' cùng ngày, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 74K7 - 3328 đến, giả vờ vào mua trái cây và lợi dụng lúc không ai để ý đã trộm cắp chiếc túi xách rồi nhanh chóng rời đi. Số tiền 96.400.000 đồng bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết, chiếc túi xách và giấy tờ bị cáo mang về cất giấu tại phòng trọ tại số 37 Nguyễn Trác, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và đã giao nộp cho Cơ quan Công an.

Theo Kết luận định giá tài sản số 128A ngày 09/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND quận Hải Châu, kết luận: 01 túi xách da màu đen nêu trên có trị giá 200.000 đồng.

Lần 2: Bị cáo T biết giáo viên của Trường đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng thường gửi xe mô tô tại trường không cần vé nên nảy sinh ý định trộm cắp xe để làm phương tiện đi lại. Khoảng 14h00' ngày 19/7/2023, bị cáo đi bộ đến nhà để xe giáo viên của Trường đại học ngoại ngữ, trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa, biển số 43D1 - 686.37 của chị Phạm Lý C. Sau khi trộm xe, bị cáo dắt bộ đến dựng tại chung cư Tân An, đường Tân An 4, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Tiếp đó, bị cáo đến một tiệm sửa xe gần chợ Hoà Cường nói mất chìa khoá và nhờ người đến thay khoá xe với giá 700.000 đồng. Sau khi thay xong khoá xe, bị cáo điều khiển xe đến một tiệm sửa xe khác (không nhớ rõ địa chỉ) nhờ thợ tháo biển số xe để tránh bị phát hiện và điều khiển xe về cất tại phòng trọ tại K78/34/3 Lê Thanh Nghị, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ngày 21/7/2023, bị cáo sử dụng xe để đi lại thì bị Công an quận Cẩm Lệ phát hiện, mời về làm việc.

Theo Kết luận định giá tài sản số 59 ngày 18/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND quận Cẩm Lệ, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa, màu xám, biển số 43 D1-686.37 nêu trên có trị giá 38.475.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Bị cáo Đặng Trần T giao nộp:

+ 01 túi xách da màu đen, ghi chữ “Chanel”, có kích thước ngang 25 cm, cao 15 cm, có dây đeo bằng kim loại màu trắng được bọc bên ngoài dây da màu đen đã sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ;

+ 01 CMND số 231179501; 01 CCCD số 033187012265; 01 giấy phép lái xe số 641098001944, đều mang tên Bùi Thị Y;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81B2-01287;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa, màu xám, số khung: 2500HV003492, số máy: M82DM50004447;

+ 01 biển số xe 43D1 - 686.37;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Click, màu đỏ, số khung: RLHJF1803-AY763808, số máy: JF18E-0215400, biển số 74K7 - 3328;

+ 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 01 váy màu xanh dương; 01 áo khoác dài tay màu xám, là trang phục bị cáo T mặc khi trộm cắp ngày 11/6/2023;

- Ông Hoàng Ngọc G giao nộp: 01 đĩa CD chứa đoạn video được trích xuất từ camera “IMO” từ 09h40'8" đến 09h44'49" ngày 11/6/2023, ghi nhận sự việc trộm cắp tại ki ốt số 04 đường Hồ Nguyên Trừng, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ngày 11/6/2023.

Quá trình điều tra, bị cáo Đặng Trần T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như trên. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, người liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xử lý vật chứng:

- Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu đã trả lại cho bị hại:

+ Bùi Thị Y: 01 túi xách da màu đen, 01 CMND số 231179501, 01 CCCD số 033187012265, 01 giấy phép lái xe số 641098001944 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81B2-01287;

+ Phạm Lý C: 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa và 01 biển số xe 43D1 - 686.37;

- Đối với xe mô tô biển số 74K7 - 3328: Do bà Nguyễn Thị Phương D (sinh năm: 1985; HKTT: Khu phố 4, thị trấn L, huyện O, tỉnh Quảng Trị) đứng tên chủ sở hữu. Năm 2019, bà Dung cho em gái là bà Nguyễn Thị Phương H (sinh năm: 1984; HKTT: Khu phố 4, thị trấn L, huyện O, tỉnh Quảng Trị). Năm 2020, bà H bán lại cho một người đàn ông tên N (không rõ lai lịch) tại Đà Nẵng. Bị cáo T khai mượn xe của người phụ nữ tên H (không rõ lai lịch) để làm phương tiện đi lại. Chưa đủ căn cứ xác định chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu tiếp tục tạm giữ để điều tra, làm rõ và xử lý sau.

- Lưu theo hồ sơ vụ án: 01 đĩa CD chứa đoạn video ghi nhận vụ việc mất trộm tại tại ki ốt số 04 đường Hồ Nguyên Trừng, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ngày 11/6/2023.

Toàn bộ vật chứng còn lại được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu bảo quản, chờ xử lý.

Về dân sự: Bà Bùi Thị Y yêu cầu được bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 96.400.000 đồng; bà Phạm Lý C đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 11/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Đặng Trần T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2, Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Trần T từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Bùi Thị Y 96.400.000 đồng. Về xử lý vật chứng, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên quy trừ vật chứng là đĩa CD nói trên kèm theo hồ sơ vụ án; Trả lại cho bị cáo 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 01 váy màu xanh dương; 01 áo khoác dài tay màu xám, là trang phục bị cáo mặc khi trộm cắp ngày 11/6/2023.

- Bị cáo Đặng Trần T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, và xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại Phạm Lý C có mặt tại phiên tòa. Lời khai của bị hại phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị cáo. Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, không có yêu cầu gì về hình phạt đối với bị cáo.

- Bị hại Bùi Thị Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại hồ sơ. Lời khai của bị hại phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị cáo. Bà Y yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 96.400.000 đồng và không có yêu cầu gì về hình phạt đối với bị cáo.

- Người làm chứng là ông Huỳnh Văn A có mặt tại phiên tòa và ông Hoàng Ngọc G vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại hồ sơ. Lời khai của những người làm chứng phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định:

Để có tiền tiêu xài và phương tiện đi lại, ngày 11/6/2023 và 19/7/2023, trên địa bàn các quận Hải Châu và Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, bị cáo Đặng Trần T đã 02 lần trộm cắp tài sản, gồm: 01 chiếc túi xách bên trong có tiền mặt của bà Bùi Thị Y với tổng trị giá 96.600.000 đồng; 01 xe mô tô của bà Phạm Lý C trị giá 38.475.000 đồng. Tổng trị giá tài sản T đã chiếm đoạt là 135.075.000 đồng.

Các hành vi nêu trên của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu trật tự trị an, xã hội tại địa phương. Do

đó cần xử lý nghiêm đối với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Bị cáo đã có tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, đã được giáo dục, răn đe và biết rất rõ hậu quả của hành vi phạm tội nhưng vẫn tiếp tục phạm tội mới. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu đã trả lại cho bị hại Bùi Thị Y 01 túi xách da màu đen, ghi chữ “Chanel”, có kích thước ngang 25 cm, cao 15 cm, có dây đeo bằng kim loại màu trắng được bọc bên ngoài dây da màu đen đã sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ; 01 CMND số 231179501; 01 CCCD số 033187012265; 01 giấy phép lái xe số 641098001944 đều mang tên Bùi Thị Y và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81B2-01287 mang tên Nguyễn Thanh Hoàng; Trả lại cho bị hại Phạm Lý C 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa, màu xám, biển kiểm soát 43D1 - 686.37, số khung: 2500HV003492, số máy: M82DM50004447 là đúng quy định.

+ Đối với 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 01 váy màu xanh dương; 01 áo khoác dài tay màu xám, là trang phục bị cáo T mặc khi trộm cắp ngày 11/6/2023 cần trả lại cho bị cáo.

+ Đối với 01 đĩa CD chứa đoạn video được trích xuất từ camera “IMOU” từ 09h40'8” đến 09h44'49" ngày 11/6/2023, ghi nhận sự việc trộm cắp tại ki ốt số 04 đường Hồ Nguyên Trùng, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ngày 11/6/2023 cần lưu trữ kèm hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Lý C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên HĐXX không đề cập giải quyết. Bị hại Bùi Thị Y yêu cầu bị cáo T bồi thường 96.400.000 đồng, Yêu cầu của bà Y là có căn cứ, cần được chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo T bồi thường cho bị hại Y số tiền nêu trên.

[7] Đối với xe mô tô biển số 74K7 - 3328: Do chị Nguyễn Thị Phương D (sinh năm: 1985; HKTT: Khu phố 4, thị trấn L, huyện O, tỉnh Quảng Trị) đứng tên chủ sở hữu. Năm 2019, chị D cho em gái là chị Nguyễn Thị Phương H (sinh năm: 1984; HKTT: Khu phố 4, thị trấn L, huyện O, tỉnh Quảng Trị). Năm 2020, chị H bán lại cho một người đàn ông tên T (không rõ lai lịch) tại Đà Nẵng. Bị cáo T khai mượn xe của người phụ nữ tên H (không rõ lai lịch) để làm phương tiện đi

lại. Chưa đủ căn cứ xác định chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu tiếp tục tạm giữ để điều tra, làm rõ và xử lý sau.

[8] Từ những nhận định trên, xét thấy lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về tội danh và áp dụng các điều luật cũng như đề nghị mức hình phạt là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Đặng Trần T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Trần T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ điểm c khoản 2, Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Trần T 4 (Bốn) năm tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 22/9/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đặng Trần T phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Bùi Thị Y số tiền 96.400.000 đồng.

3. Về xử lý vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Lưu trữ kèm theo hồ sơ vụ án đối với: 01 đĩa CD chứa đoạn video được trích xuất từ camera “IMOU” từ 09h40'8” đến 09h44'49" ngày 11/6/2023, ghi nhận sự việc trộm cắp tại ki ốt số 04 đường Hồ Nguyên Trừng, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trả lại cho bị cáo 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 01 váy màu xanh dương; 01 áo khoác dài tay màu xám, là trang phục T mặc khi trộm cắp ngày 11/6/2023.

(Các vật chứng nêu trên hiện nay Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu đang quản lý theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26 tháng 01 năm 2024)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Trần T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.820.000 đồng (Bốn triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Hải Châu;
- Công an quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Thủy